

DANH SÁCH KHÔNG ĐẠT TỐT NGHIỆP

Học kỳ 2 Năm học: 2025-2026
Đại học VLVH_liên thông Cao Đẳng, ngành , khóa 2023 - 2025
ngày ; Lớp 23LC43(2); Mã TC: TN23LC43(2)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung 150
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	STC	TBTL	Mã MHBB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
1	23843068	TRẦN THỂ ANH	23LC43DN2	146	6.77	MMAT344225	Công nghệ chế tạo máy	4		2024-2025-HK01	4.2
2	23843067	PHAN THIÊN ÂN	23LC43DN2	146	7.06	CCCT331725	Công nghệ CAD\CAM_CNC	3		2024-2025-HK01	4.7
						PMMT311625	Đồ án công nghệ chế tạo máy	1		2024-2025-HK02	0.0
3	23843070	HÀ CAO QUỐC BẢO	23LC43DN2	149	7.24	PMMT311625	Đồ án công nghệ chế tạo máy	1		2024-2025-HK02	0.0
4	23843069	NGUYỄN LƯƠNG BẰNG	23LC43DN2	146	6.95	CCCT331725	Công nghệ CAD\CAM_CNC	3		2024-2025-HK01	0.0
						PMMT311625	Đồ án công nghệ chế tạo máy	1		2024-2025-HK02	0.0
5	23843072	NGUYỄN TIẾN ĐẠI	23LC43DN2	146	7.16	CCCT331725	Công nghệ CAD\CAM_CNC	3		2024-2025-HK01	0.0
						PMMT311625	Đồ án công nghệ chế tạo máy	1		2024-2025-HK02	0.0
6	23843073	HỒ MINH ĐỨC	23LC43DN2	146	7.08	ENGL330337	Anh Văn 3	3		2023-2024-HK01	2.6

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	STC	TBTL	Mã MHBB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
6	23843073	HỒ MINH	ĐỨC	23LC43DN2	146	7.08	PMMT31162 5	Đồ án công nghệ chế tạo máy	1		2024- 2025- HK02	0.0
7	23843076	NGÔ KIM	HÀO	23LC43DN2	146	6.89	MOLD33122 5	Thiết kế, chế tạo khuôn mẫu	3		2024- 2025- HK02	4.5
							PMMT31162 5	Đồ án công nghệ chế tạo máy	1		2024- 2025- HK02	0.0
8	23843077	BÙI ĐỨC	HÀO	23LC43DN2	149	7.32	PMMT31162 5	Đồ án công nghệ chế tạo máy	1		2024- 2025- HK02	0.0
9	23843078	BỒ TRỌNG	HẬU	23LC43DN2	143	6.98	MOLD33122 5	Thiết kế, chế tạo khuôn mẫu	3		2024- 2025- HK02	3.0
							PMMT31162 5	Đồ án công nghệ chế tạo máy	1		2024- 2025- HK02	0.0
							STOG433225	Chuyên đề tốt nghiệp 1	3		2025- 2026- HK01	3.7
10	23843081	NGUYỄN TRUNG	HIẾU	23LC43DN2	145	6.97	MMAT34422 5	Công nghệ chế tạo máy	4		2024- 2025- HK01	3.7
							PMMT31162 5	Đồ án công nghệ chế tạo máy	1		2024- 2025- HK02	0.0
11	23843080	PHAN TRỌNG	HIẾU	23LC43DN2	149	7.04	PMMT31162 5	Đồ án công nghệ chế tạo máy	1		2024- 2025- HK02	0.0
12	23843083	HUỖNH HUY	HOÀNG	23LC43DN2	149	7.04	PMMT31162 5	Đồ án công nghệ chế tạo máy	1		2024- 2025- HK02	0.0
13	23843082	TRƯƠNG VĂN VŨ	HOÀNG	23LC43DN2	146	7.22	CCCT331725	Công nghệ CAD\CAM_CNC	3		2024- 2025- HK01	4.7
							PMMT31162 5	Đồ án công nghệ chế tạo máy	1		2024- 2025- HK02	0.0
14	23843085	HỒ LÊ THANH	HUY	23LC43DN2	149	7.18	PMMT31162 5	Đồ án công nghệ chế tạo máy	1		2024- 2025- HK02	0.0

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	STC	TBTL	Mã MHBB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
15	23843086	TỔNG TRẦN HUY	23LC43DN2	149	7.21	PMMT31162 5	Đồ án công nghệ chế tạo máy	1		2024-2025-HK02	0.0
16	23843087	LƯƠNG ĐĂNG KHOA	23LC43DN2	149	6.89	PMMT31162 5	Đồ án công nghệ chế tạo máy	1		2024-2025-HK02	0.0
17	23843088	NGUYỄN HOÀNG GIA LONG	23LC43DN2	149	6.83	PMMT31162 5	Đồ án công nghệ chế tạo máy	1		2024-2025-HK02	0.0
18	23643060	LÊ NGỌC MINH	23LC43DN2	147	7.32	STOG433225	Chuyên đề tốt nghiệp 1	3		2025-2026-HK01	4.4
19	23843093	LÊ THÀNH MINH	23LC43DN2	149	6.95	PMMT31162 5	Đồ án công nghệ chế tạo máy	1		2024-2025-HK02	0.0
20	23843095	NGUYỄN QUỐC PHI	23LC43DN2	147	7.15	STOG433225	Chuyên đề tốt nghiệp 1	3		2025-2026-HK01	4.6
21	23843096	PHẠM VIỆT QUÂN	23LC43DN2	149	7.14	PMMT31162 5	Đồ án công nghệ chế tạo máy	1		2024-2025-HK02	0.0
22	23843098	PHAN QUANG TẤN TÀI	23LC43DN2	149	7.19	PMMT31162 5	Đồ án công nghệ chế tạo máy	1		2024-2025-HK02	0.0
23	23843106	NGUYỄN TRỌNG TÍN	23LC43DN2	146	6.52	PMMT31162 5	Đồ án công nghệ chế tạo máy	1		2024-2025-HK02	0.0
						STOG433225	Chuyên đề tốt nghiệp 1	3		2025-2026-HK01	3.4
24	23843100	VÕ VIỆT THÁI	23LC43DN2	149	7.04	PMMT31162 5	Đồ án công nghệ chế tạo máy	1		2024-2025-HK02	0.0
25	23843103	NGUYỄN VĂN THÀNH	23LC43DN2	149	6.73	PMMT31162 5	Đồ án công nghệ chế tạo máy	1		2024-2025-HK02	0.0
26	23843101	TRẦN VĂN THẮNG	23LC43DN2	146	7.87	CCCT331725	Công nghệ CAD\CAM_CNC	3		2024-2025-HK01	4.9
						PMMT31162 5	Đồ án công nghệ chế tạo máy	1		2024-2025-HK02	0.0

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	STC	TBTL	Mã MHBB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
27	23843104	NGUYỄN TRUNG THIÊN	23LC43DN2	149	6.83	PMMT311625	Đồ án công nghệ chế tạo máy	1		2024-2025-HK02	0.0
28	23843105	PHẠM QUỐC THIÊN	23LC43DN2	145	6.45	MMAT344225	Công nghệ chế tạo máy	4		2024-2025-HK01	4.3
						PMMT311625	Đồ án công nghệ chế tạo máy	1		2024-2025-HK02	0.0

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Giáo dục thể chất 3 (Tự chọn) :	1 TC (Min)	
PHED130715	Giáo dục thể chất 3 (Tự chọn)	3
CHES112330	Cờ vua	1
CHIN112330	Cờ tướng	1